

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TT
TỈNH TH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16/8/2022

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con chung*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT, TỈNH TH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Văn Tuấn
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Mạnh Thìn; ông Đào Quang Tuấn.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh TH.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, tỉnh TH tham gia phiên tòa:* Bà Lê

Thị Nguyệt - Kiểm sát viên

Trong ngày 16 tháng 8 năm 2022 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh TH đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2022; Về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 38/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29/7/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị T - Sinh năm: 2000

Địa chỉ: Thôn TC, xã YD, huyện HT, tỉnh TH. Vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn :* Anh Bùi Văn V; Sinh năm: 1995

Địa chỉ: Khu phố YL, thị trấn V, huyện TT, tỉnh TH. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/3/2022, bản tự khai ngày 04/5/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lê Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Bùi Văn V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện TT, tỉnh TH vào ngày 16/12/2020. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống hòa thuận đến tháng 11/2021 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi cọ, cuộc sống gia đình không hạnh phúc. Chị T

và anh V sống ly thân từ ngày 06/11/2021 đến nay. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị TAND huyện TT giải quyết cho chị T được ly hôn anh V.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Bùi Nhã Đ, sinh ngày: 17/5/2021. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ và yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng) đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

Tại bản tự khai ngày 04/5/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

- Về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện TT đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập anh Bùi Văn V để nộp bản tự khai và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh V đều vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS); nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83; Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Xử cho chị Lê Thị T được ly hôn anh Bùi Văn V. Giao cháu Bùi Nhã Đ, sinh ngày: 17/5/2021 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

- Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn đối với anh Bùi Văn V. Anh V cư trú tại huyện TT, tỉnh TH. Nên xác định đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh TH, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ cho Anh V nhưng anh V vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp vắng mặt anh V và thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh V

theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS. Anh V đã được triệu tập đến tham gia hòa giải nhưng anh V vắng mặt. Đây là trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS.

Anh V đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, tòa án xét xử vắng mặt anh V và chị T.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Bùi Văn V kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện TT, tỉnh TH vào ngày 16/12/2020 và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng có cuộc sống hoà thuận hạnh phúc đến tháng 11/2021 sau đó phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống, Chị T đã về nhà mẹ đẻ tại huyện HT, tỉnh TH sinh sống, vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 6/11/2021 đến nay không ai quan tâm đến ai. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị T được ly hôn anh V là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị T và anh V có 01 con chung là cháu Bùi Nhã Đ, sinh ngày: 17/5/2021. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T. Hội đồng xét xử thấy: Cháu Bùi Nhã Đ mới hơn 1 tuổi, rất cần sự chăm sóc của người mẹ, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Đ, không yêu cầu anh V đóng góp tiền nuôi con chung cùng chị. Đây là sự tự nguyện của chị T phù hợp với quy định của pháp luật nên yêu cầu của chị T được chấp nhận.

[4] Về tài sản và công nợ: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị T được ly hôn anh Bùi Văn V.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Nhã Đ, sinh ngày: 17/5/2021 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

Anh V có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm, cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu toàn bộ tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo quy định của pháp luật, nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TT, tỉnh TH, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0007593 ngày 24/3/2022. Chị Lê Thị T đã nộp đủ tiền án phí theo quy định.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị T và anh V. Chị Lê Thị T, anh Bùi Văn V có quyền làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự và Điều 7a,7b Luật sửa đổi, bổ sung luật thi hành án dân sự năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H TT;
- UBND thị trấn V, huyện TT;
- TAND tỉnh TH;
- Chi cục THADS H. TT;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Tuấn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM P

Đào Quang Tuấn

Bùi Văn Tuấn

Bùi Văn Tuấn

Nguyễn Mạnh Thìn

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện TT;
- UBND thị trấn V, huyện TT;
- TAND tỉnh TH;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện TT;
- Lưu hồ sơ vụ án

Bùi Văn Tuấn

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

THẨM P

Bùi Vă

Đào Quang Tuấn

Bùi Văn Tuấn

Nguyễn Mạnh Thìn

